Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3810.90.00

Mã HS	3810.90.00
Mô tả hàng hóa	Chế phẩm tẩy sạch cho bề mặt kim loại; chất giúp chảy và các chế phẩm phụ trợ khác dùng cho hàn thiếc, hàn hơi hoặc hàn điện; bột và bột nhão gồm kim loại và các vật liệu khác dùng để hàn thiếc, hàn hơi hoặc hàn điện; các chế phẩm dùng làm lõi hoặc vỏ cho điện cực hàn hoặc que hàn / - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	20/11/2026 07:03:07
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/38109000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5438
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5438
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5438
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5292
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5253
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5253
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5253
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5253
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5253
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5253
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5297
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5297
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5297
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5297

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5297
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5297
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5295
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5295
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5295
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5295
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5295
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5295
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5297
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5259
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5255
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5255
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5255
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5255
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5255
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5255
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5264
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5264
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5264
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5264
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5264
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5264
VCFTA	2022	2022	3	VC!D5305
VCFTA	2023	2023	3	VC!E5305
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5305
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5305

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5305
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5305
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5306
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5306
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5306
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5306
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5306
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5306
AHKFTA	2022	2022	2	AKH!D5309
AHKFTA	2023	2023	1	AKH!E5309
AHKFTA	2024	2024	1	AKH!F5309
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G5309
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H5309
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5309
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5278
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5278
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5278
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5278
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5278
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5278
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5280
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5280
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5280
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5280
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5280
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5280

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5278
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5278
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5278
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5278
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5278
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5278
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5278
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5299
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5299
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5299
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5299
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5299
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5299
RCEP B	2022	2022	0	B!D5299
RCEP B	2023	2023	0	B!E5299
RCEP B	2024	2024	0	B!F5299
RCEP B	2025	2025	0	B!G5299
RCEP B	2026	2026	0	B!H5299
RCEP B	2027	2027	0	B!I5299
RCEP C	2022	2022	0	C!D5299
RCEP C	2023	2023	0	C!E5299
RCEP C	2024	2024	0	C!F5299
RCEP C	2025	2025	0	C!G5299
RCEP C	2026	2026	0	C!H5299
RCEP C	2027	2027	0	C!I5299
RCEP D	2022	2022	0	D!D5299

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E5299
RCEP D	2024	2024	0	D!F5299
RCEP D	2025	2025	0	D!G5299
RCEP D	2026	2026	0	D!H5299
RCEP D	2027	2027	0	D!I5299
RCEP E	2022	2022	0	E!D5302
RCEP E	2023	2023	0	E!E5302
RCEP E	2024	2024	0	E!F5302
RCEP E	2025	2025	0	E!G5302
RCEP E	2026	2026	0	E!H5302
RCEP E	2027	2027	0	E!I5302
RCEP F	2022	2022	0	F!D5299
RCEP F	2023	2023	0	F!E5299
RCEP F	2024	2024	0	F!F5299
RCEP F	2025	2025	0	F!G5299
RCEP F	2026	2026	0	F!H5299
RCEP F	2027	2027	0	F!I5299
VIFTA	2024	2024	2	VI!F4882
VIFTA	2025	2025	1	VI!G4882
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4882
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4882

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3810.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 3810.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5438), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.